

Số: /TB-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2022

## **THÔNG BÁO**

### **Kết quả thẩm định, đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đối với các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố**

Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận (Tổ giúp việc);

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung nội dung điểm cộng và điểm trừ vào tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân tổ chức xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2021 của các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Trên cơ sở Biên bản làm việc của Tổ giúp việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương, kết quả thu ngân sách năm 2021, kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 419/TTr-SNV ngày 15/02/2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kết quả thẩm định, đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đối với các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

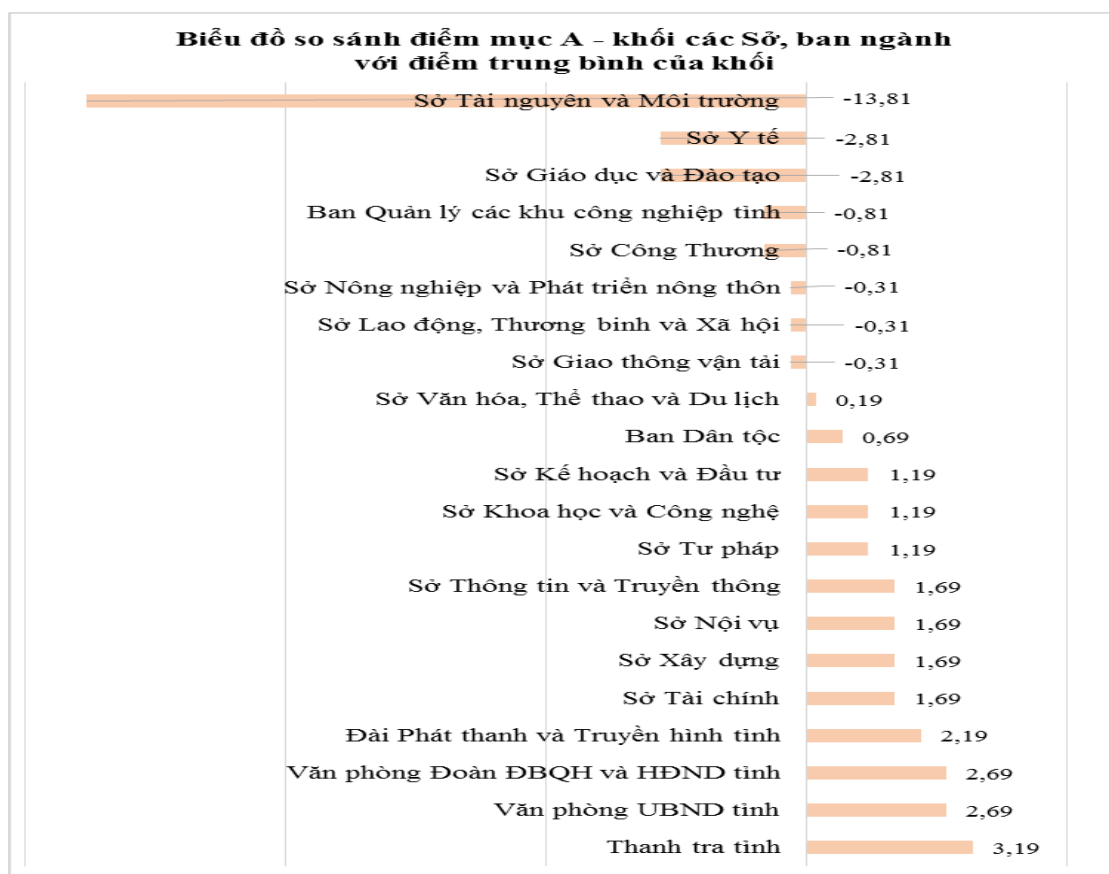
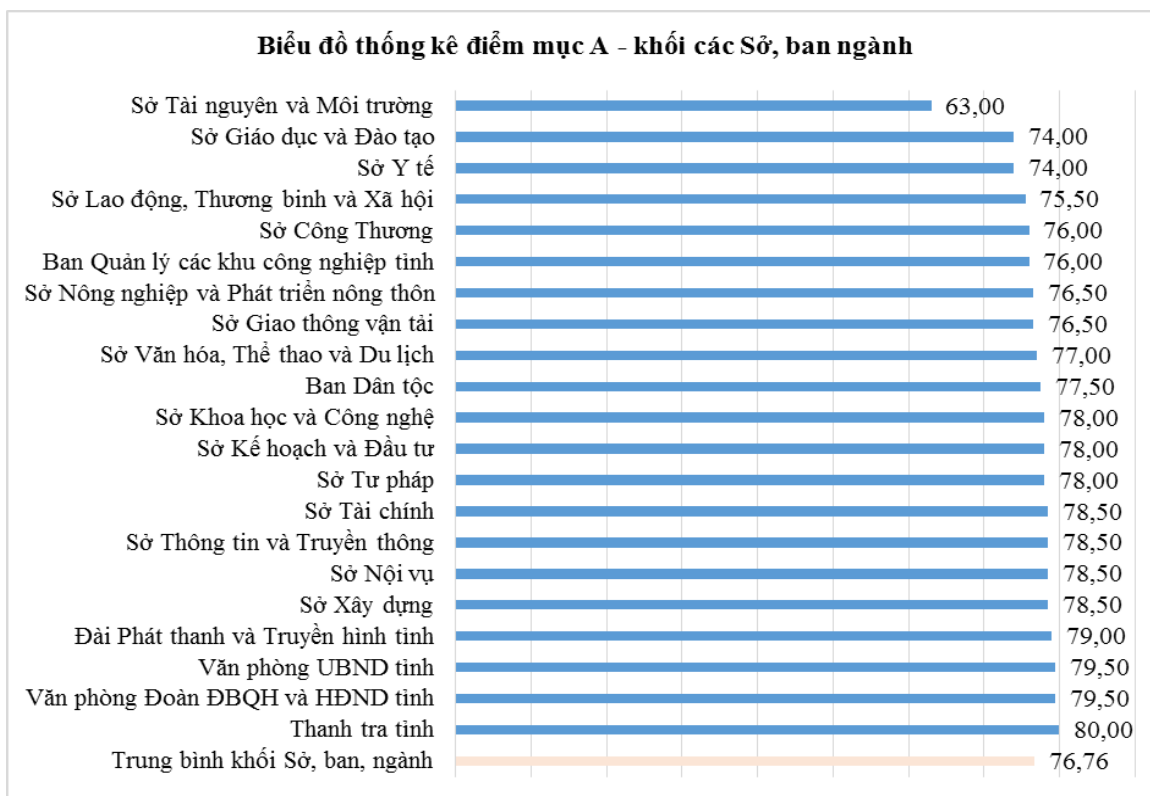
#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (MỤC A TRONG BỘ TIÊU CHÍ):**

Nội dung này gồm 09 nhóm tiêu chí do Tổ giúp việc phụ trách chấm điểm căn cứ trên tình hình triển khai thực tế tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và tài liệu kiểm chứng cho các cơ quan, đơn vị cung cấp. Điểm tổng cộng của mục này là 80 điểm. Kết quả qua thẩm định cụ thể như sau:

- Đối với các Sở, ban, ngành:

+ Điểm trung bình của khối Sở, ban, ngành là 76,76 điểm (giảm 0,79 điểm so với năm 2020). Thanh tra tỉnh là đơn vị đạt điểm cao nhất (80 điểm). Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị đạt điểm thấp nhất (63 điểm).

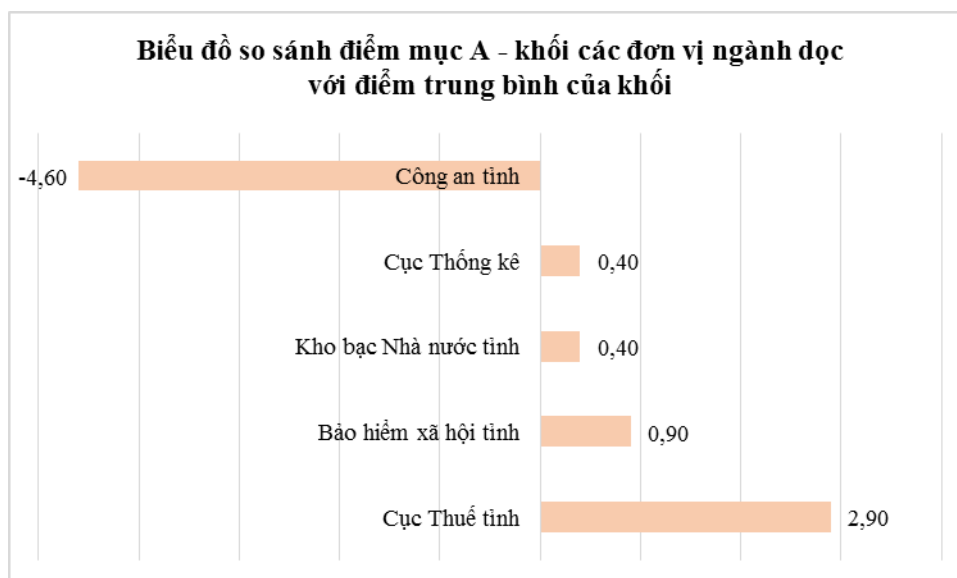
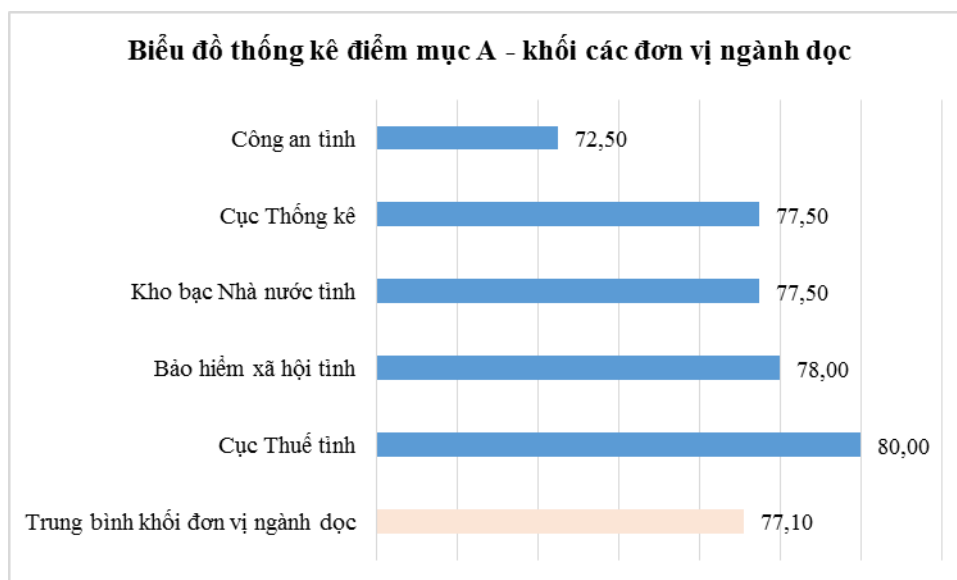
+ Có 08 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 13 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.



- Đối với các đơn vị ngành dọc:

+ Điểm trung bình của khối các đơn vị ngành dọc là 77,10 điểm (giảm 0,75 điểm). Cục Thuế tỉnh là đơn vị đạt điểm cao nhất (80 điểm). Công an tỉnh là đơn vị đạt điểm thấp nhất (72,5 điểm).

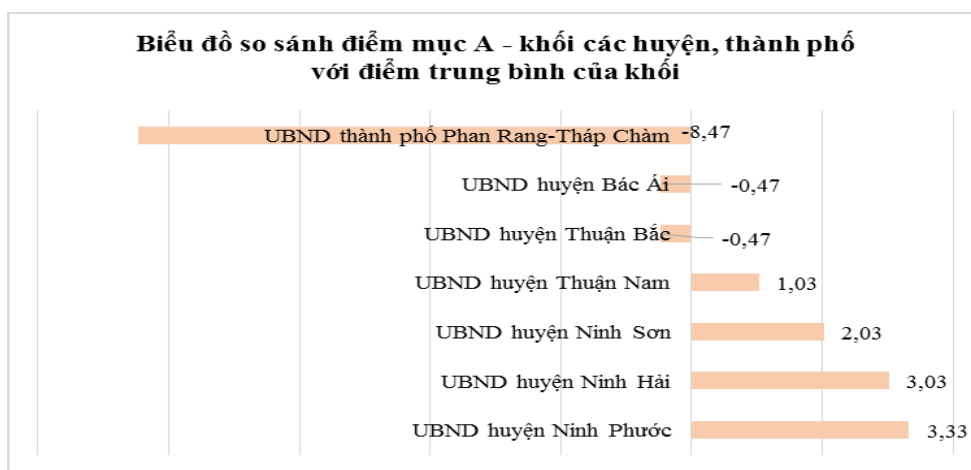
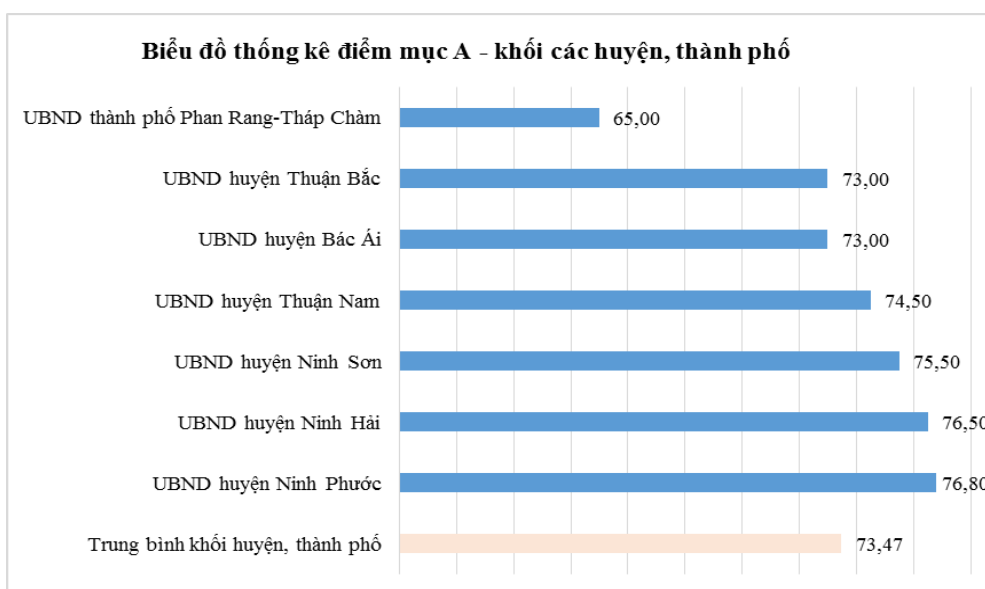
+ Có 01 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 04 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.



- Đối với các huyện, thành phố:

+ Điểm trung bình của khối các huyện, thành phố là 73,47 điểm (giảm 2,59 điểm). Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước là đơn vị đạt điểm cao nhất (76,80 điểm). Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là đơn vị đạt điểm thấp nhất (65 điểm).

+ Có 03 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 04 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.



## II. TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (MỤC B TRONG BỘ TIÊU CHÍ):

Nội dung này gồm 10 nhóm tiêu chí được thực hiện thông qua phiếu khảo sát các tổ chức, cá nhân đã từng thực hiện giao dịch thủ tục hành chính với cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bưu điện tỉnh là đơn vị được giao thực hiện hiện nhiệm vụ khảo sát; kết quả đã thu về 1.582 phiếu, tăng 138 phiếu so với năm 2020 (trong đó đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ Đài Phát thanh và Truyền hình) chỉ sử dụng kết quả khảo sát để làm cơ sở xác định mức độ hài lòng của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Báo cáo số 519/BC-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh), danh sách số phiếu cụ thể như sau:

| STT | Đơn vị                        | Số phiếu |
|-----|-------------------------------|----------|
| 1   | Sở Nội vụ                     | 16       |
| 2   | Sở Tài nguyên và Môi trường   | 49       |
| 3   | Thanh tra tỉnh                | 50       |
| 4   | Đài Phát thanh và Truyền hình | 30       |
| 5   | Sở Kế hoạch và Đầu tư         | 44       |

| STT | Đơn vị                                                        | Số phiếu     |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------|
| 6   | Sở Khoa học và Công nghệ                                      | 39           |
| 7   | Sở Y tế                                                       | 45           |
| 8   | Văn phòng UBND tỉnh                                           | 46           |
| 9   | Sở Xây dựng                                                   | 49           |
| 10  | Sở Tài chính                                                  | 50           |
| 11  | Sở Thông tin và Truyền thông                                  | 47           |
| 12  | Sở Tư pháp                                                    | 42           |
| 13  | Sở Giáo dục và Đào tạo                                        | 40           |
| 14  | Ban Quản lý các Khu công nghiệp                               | 7            |
| 15  | Sở Giao thông vận tải                                         | 41           |
| 16  | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch                              | 39           |
| 17  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                        | 40           |
| 18  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội                           | 49           |
| 19  | Sở Công Thương                                                | 31           |
| 20  | Cục Thuế tỉnh                                                 | 46           |
| 21  | Kho bạc Nhà Nước tỉnh                                         | 47           |
| 22  | Công an tỉnh                                                  | 36           |
| 23  | Bảo hiểm xã hội tỉnh                                          | 44           |
| 24  | Cục Thống kê tỉnh                                             | 36           |
| 25  | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                              | 32           |
| 26  | UBND huyện Bác Ái                                             | 38           |
| 27  | UBND huyện Ninh Hải                                           | 44           |
| 28  | UBND huyện Ninh Phước                                         | 48           |
| 29  | UBND huyện Ninh Sơn                                           | 46           |
| 30  | UBND huyện Thuận Bắc                                          | 42           |
| 31  | UBND huyện Thuận Nam                                          | 49           |
| 32  | UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm                            | 41           |
| 33  | Ban Dân tộc tỉnh                                              | 50           |
| 34  | Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông            | 20           |
| 35  | Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT   | 37           |
| 36  | Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và CN        | 40           |
| 37  | Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các DA ODA ngành nước tỉnh | 37           |
| 38  | BQL Vườn QG Núi Chúa                                          | 30           |
| 39  | BQL Vườn QG Phước Bình                                        | 22           |
| 40  | Trường Cao đẳng Nghề                                          | 43           |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                              | <b>1.582</b> |

Các phiếu khảo sát được Sở Nội vụ nhập vào phần mềm và trích xuất thành điểm số theo đúng Phụ lục đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 03/10/2019.

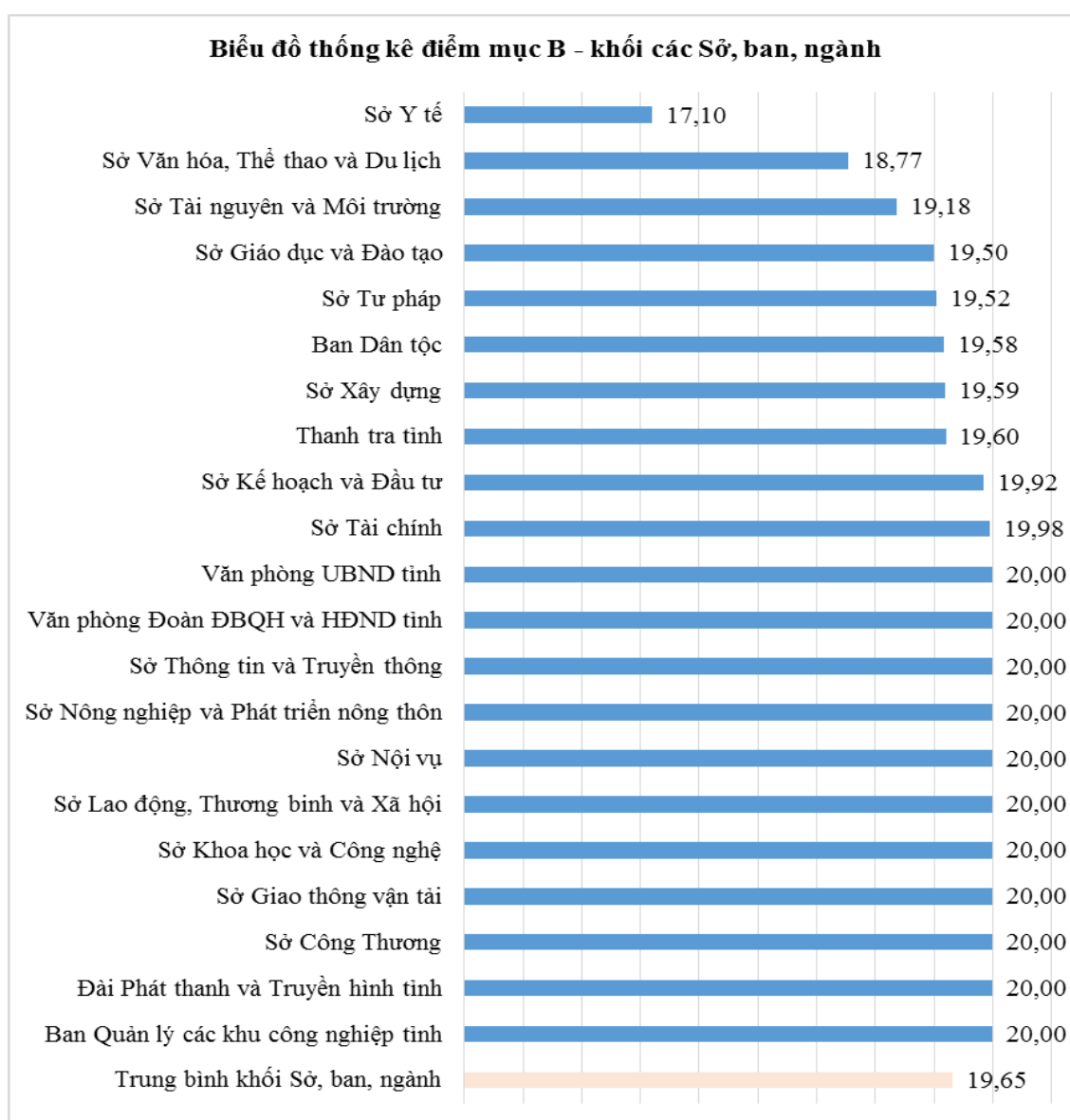
Các phiếu khảo sát đã được Sở Nội vụ gửi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu tham khảo; các nội dung được chỉnh sửa trong phương án trả lời đều có ký xác nhận của nhân viên Bưu điện tỉnh được giao nhiệm vụ khảo sát.

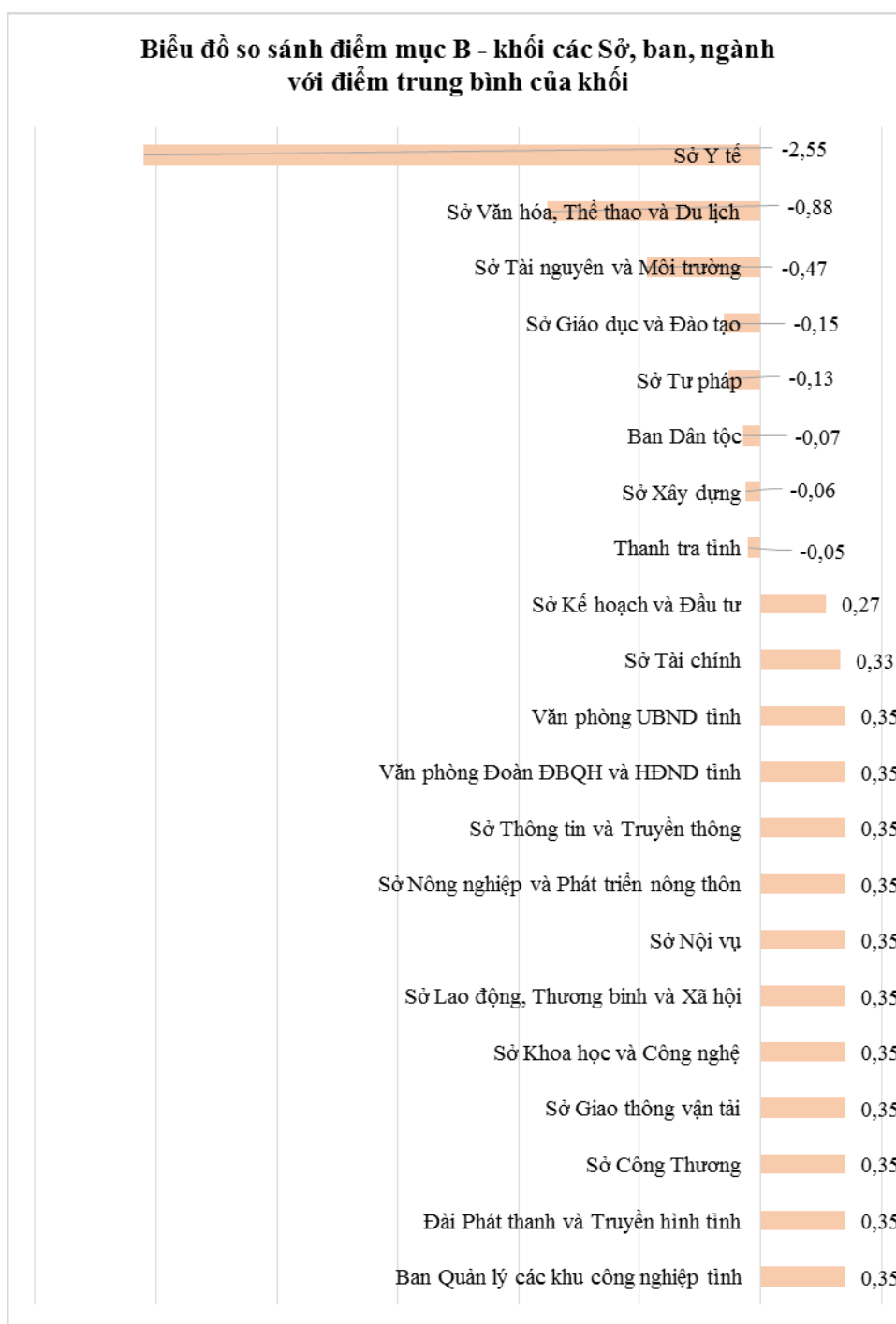
Điểm tổng cộng của mục này là 20 điểm; kết quả trích xuất qua phần mềm cụ thể như sau:

- Đối với các Sở, ban, ngành:

+ Điểm trung bình của khối Sở, ban, ngành là 19,65 điểm (tăng 0,44 điểm). Có 11 cơ quan, đơn vị đạt điểm tối đa 20/20 điểm. Sở Y tế là đơn vị đạt điểm thấp nhất (17,10 điểm).

+ Có 08 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 13 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.

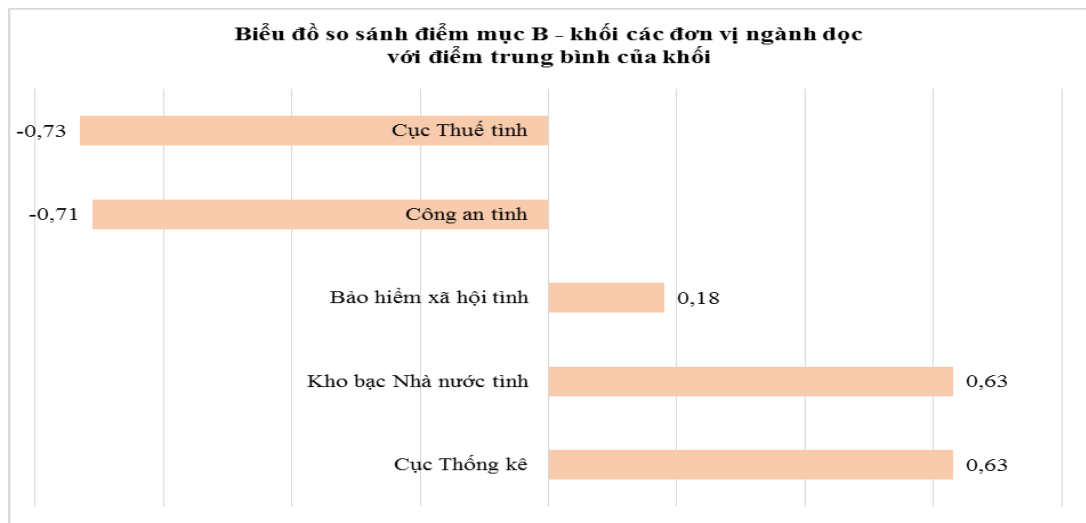
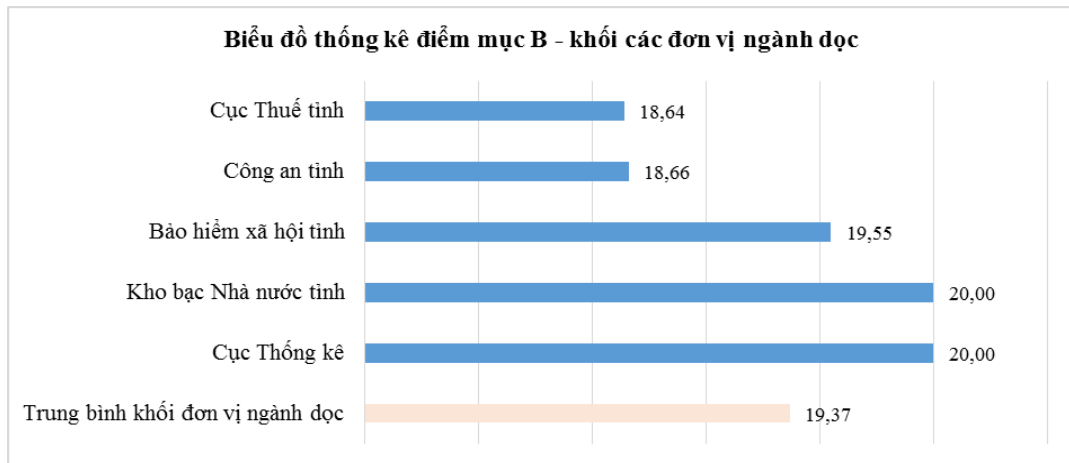




- Đối với khối các đơn vị ngành dọc:

+ Điểm trung bình của khối các đơn vị ngành dọc là 19,37 điểm (tăng 0,33 điểm). Cục Thống kê tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh là đơn vị đạt điểm cao nhất (20 điểm). Cục Thuế tỉnh là đơn vị đạt điểm thấp nhất (18,64 điểm).

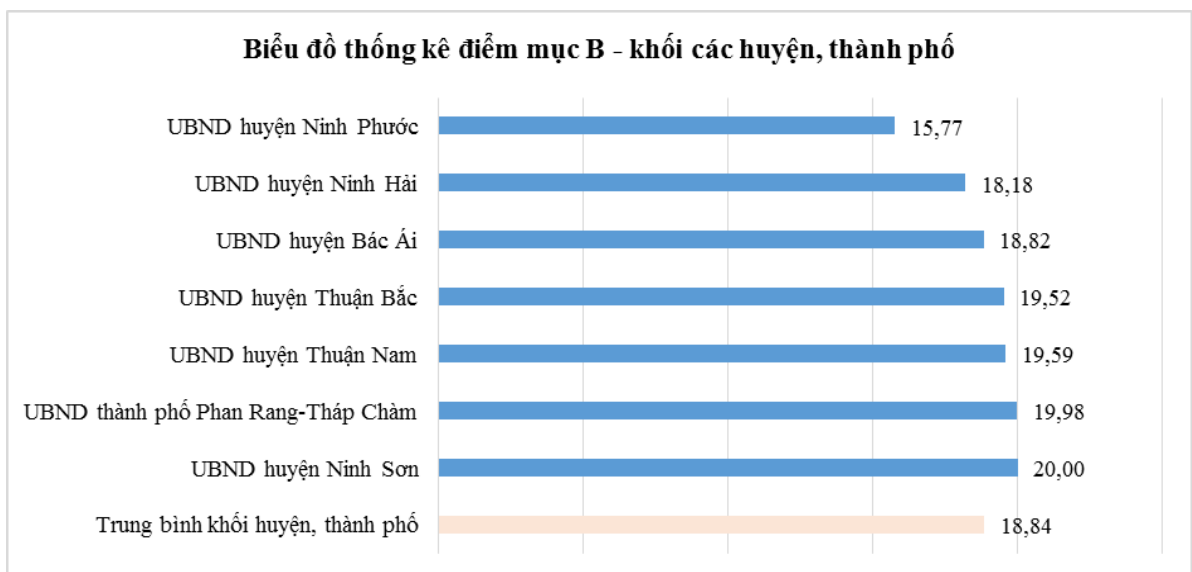
+ Có 01 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 04 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.



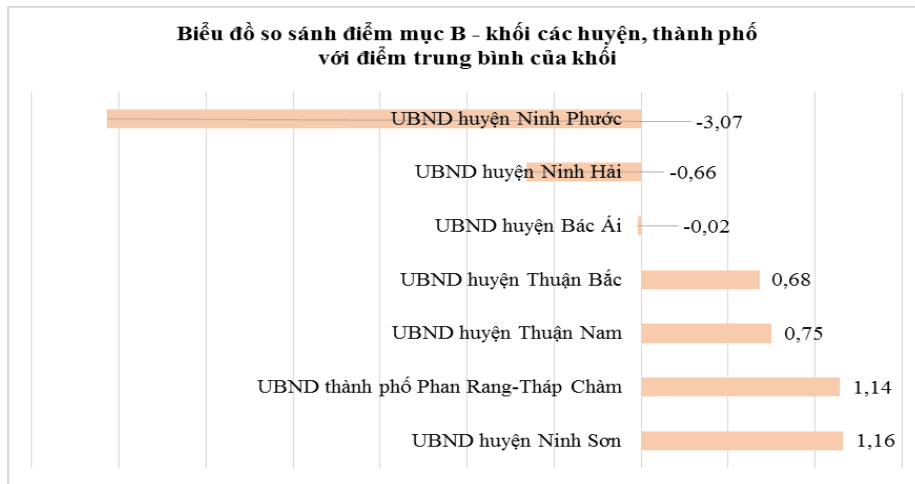
- Đối với với các huyện, thành phố:

+ Điểm trung bình của khối các huyện, thành phố là 18,84 điểm (giảm 0,73 điểm). Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn là đơn vị đạt điểm cao nhất (20 điểm). Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước là đơn vị đạt điểm thấp nhất (15,77 điểm).

+ Có 03 đơn vị thấp hơn điểm trung bình toàn khối và 04 đơn vị cao hơn điểm trung bình toàn khối.







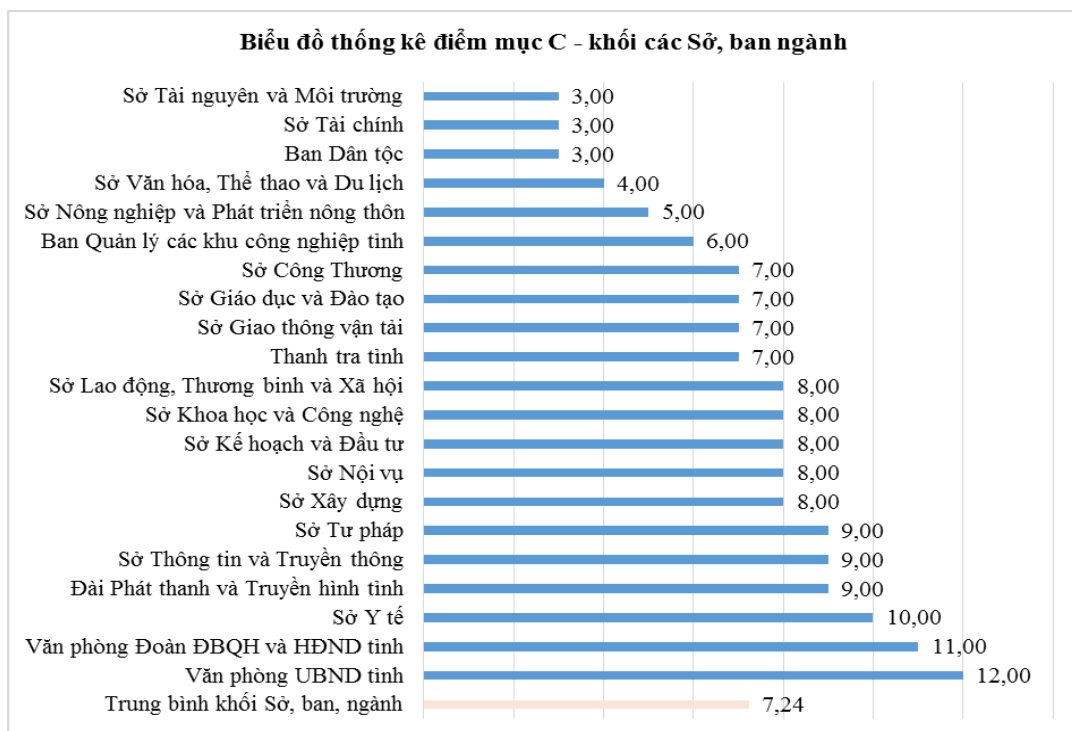
### III. ĐIỂM CỘNG (MỤC C TRONG BỘ TIÊU CHÍ):

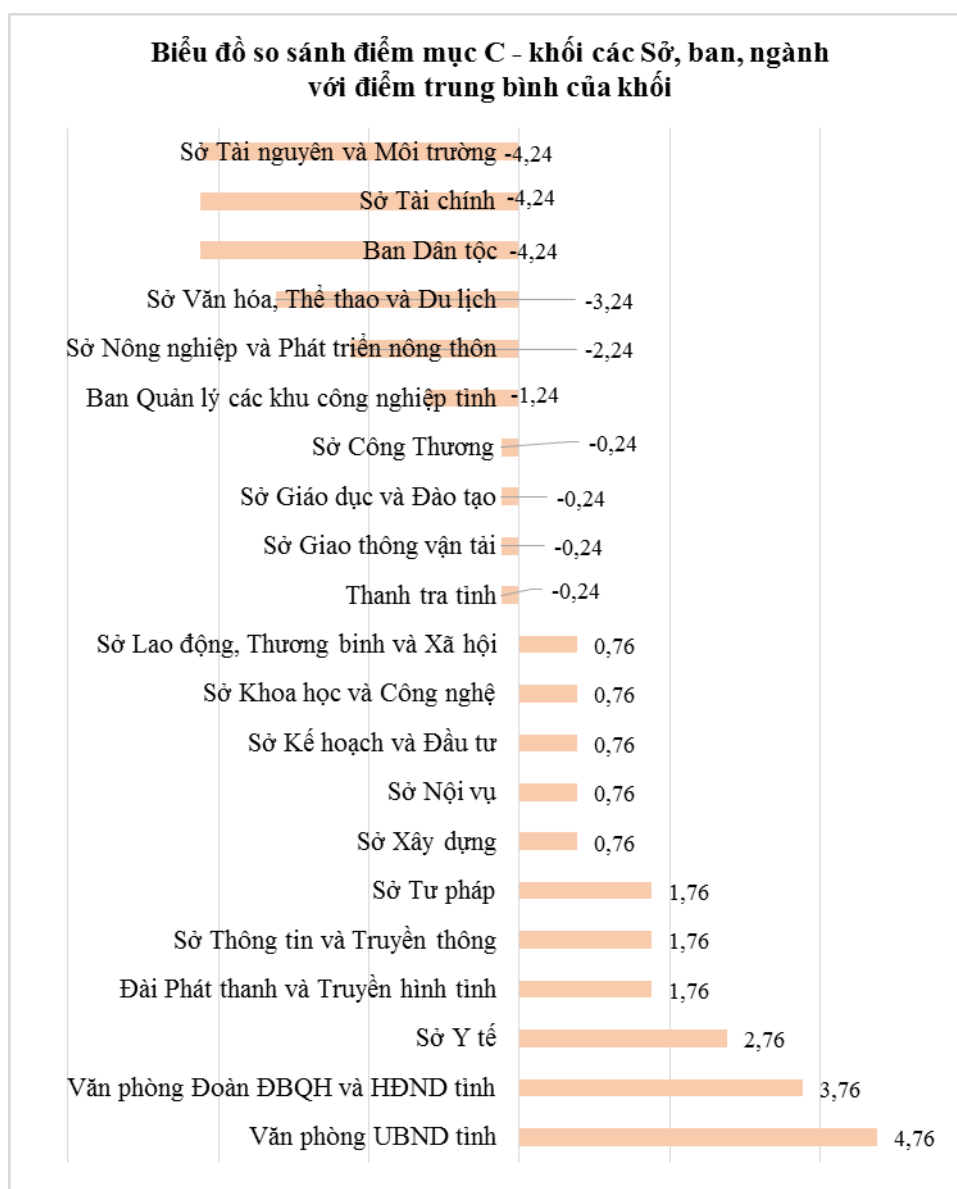
Nội dung này gồm 07 nhóm tiêu chí được chấm điểm bằng tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả triển khai các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI, DDCI, thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề,.....

Các nội dung tại mục này do Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan chấm điểm.

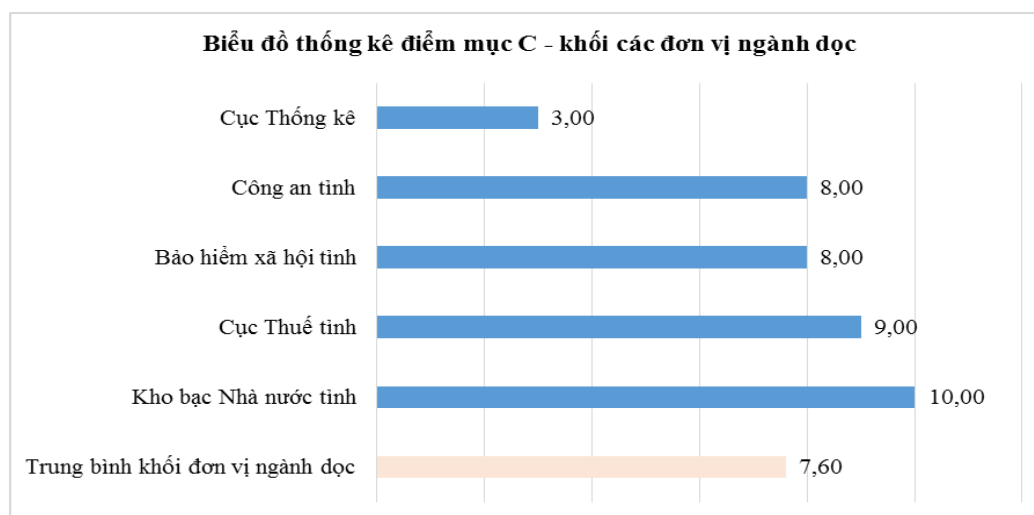
Kết quả thẩm định cụ thể như sau:

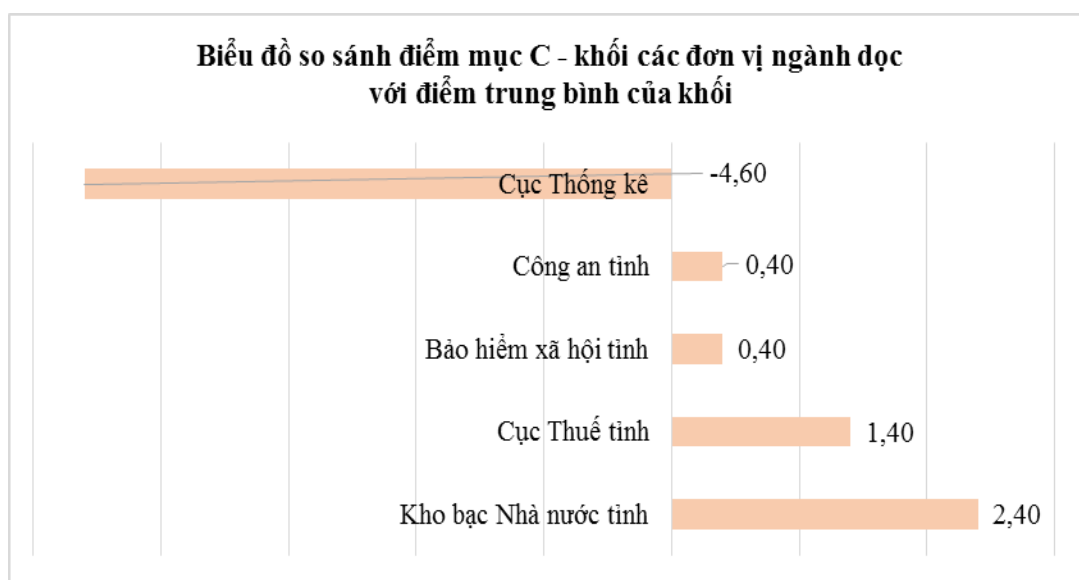
- Đối với các Sở, ban, ngành: Điểm cộng trung bình của khối Sở, ban, ngành là 7,24 điểm (giảm 0,88 điểm). Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị được cộng điểm nhiều nhất (12 điểm). Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính là 04 đơn vị được cộng điểm ít nhất (3 điểm).



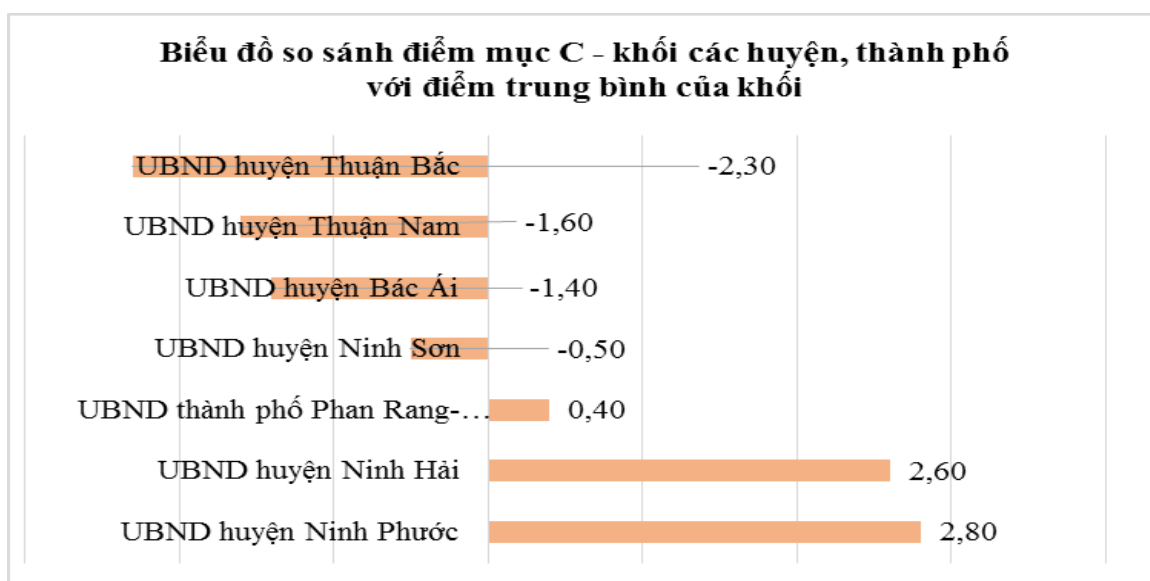
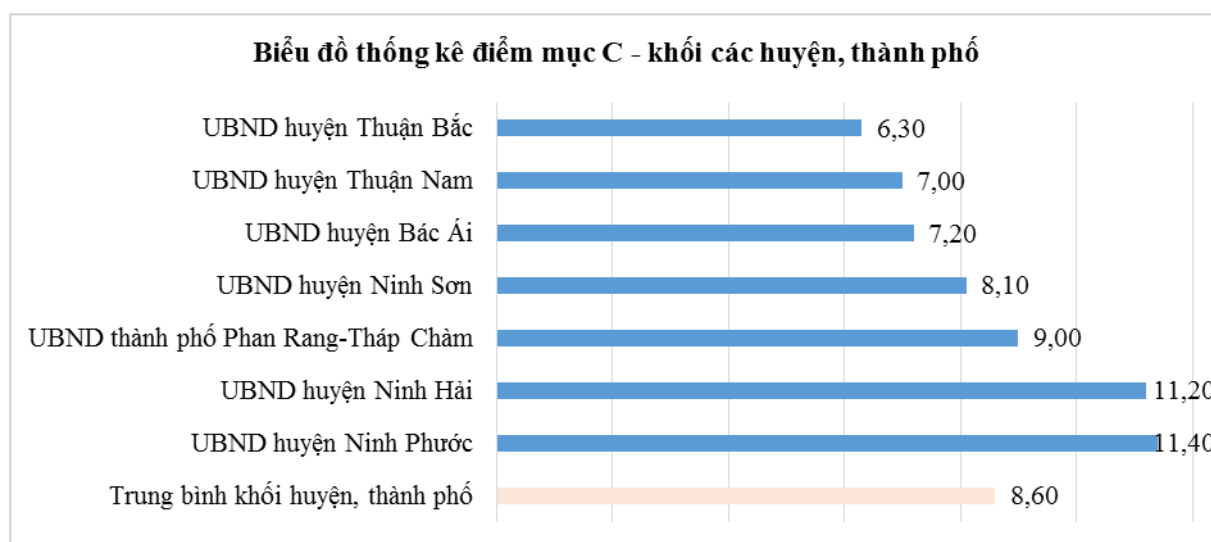


- Đối với các đơn vị ngành dọc: Điểm cộng trung bình của khối các đơn vị ngành dọc là 7,6 điểm (tăng 1,3 điểm). Kho bạc nhà nước tỉnh là đơn vị được cộng điểm nhiều nhất (10 điểm). Cục Thống kê tỉnh là đơn vị được cộng điểm ít nhất (3 điểm).





- Đối với các huyện, thành phố: Điểm cộng trung bình của khối các huyện, thành phố là 8,6 điểm (giảm 0,4 điểm). Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước là đơn vị được cộng điểm nhiều nhất (11,4 điểm). Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc là đơn vị được cộng điểm ít nhất (6,3 điểm).



#### IV. ĐIỂM TRỪ (MỤC D TRONG BỘ TIÊU CHÍ):

Nội dung này gồm 09 nhóm tiêu chí được chấm điểm dựa trên chế độ thông tin báo cáo, việc giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị và kết quả triển khai các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI, DDCI, thu ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề,....

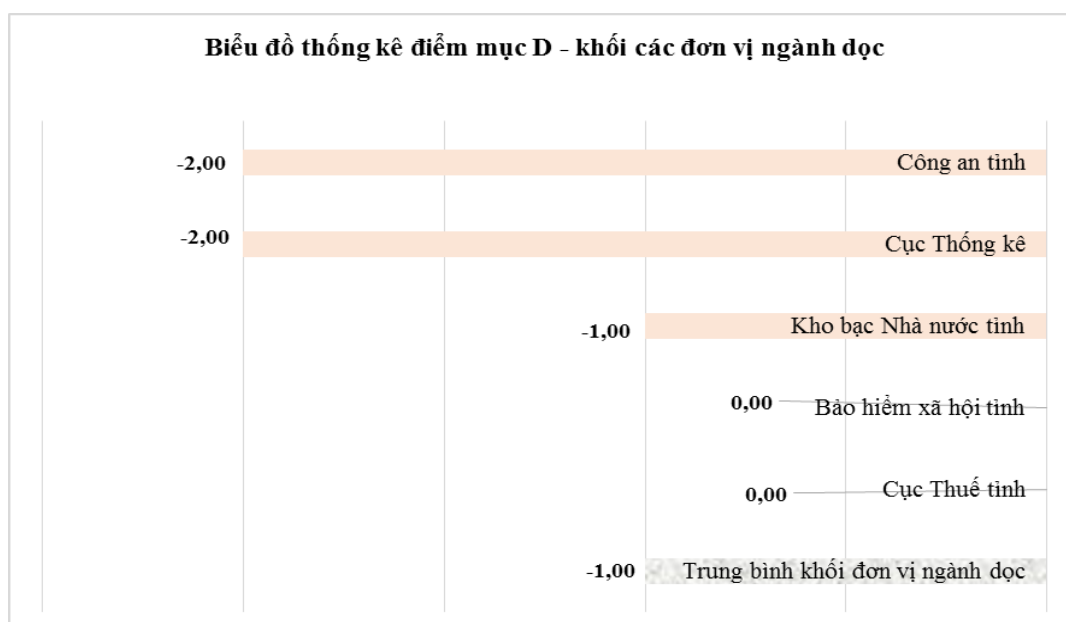
Các nội dung tại mục này do Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành liên quan chấm điểm.

Kết quả thẩm định cụ thể như sau:

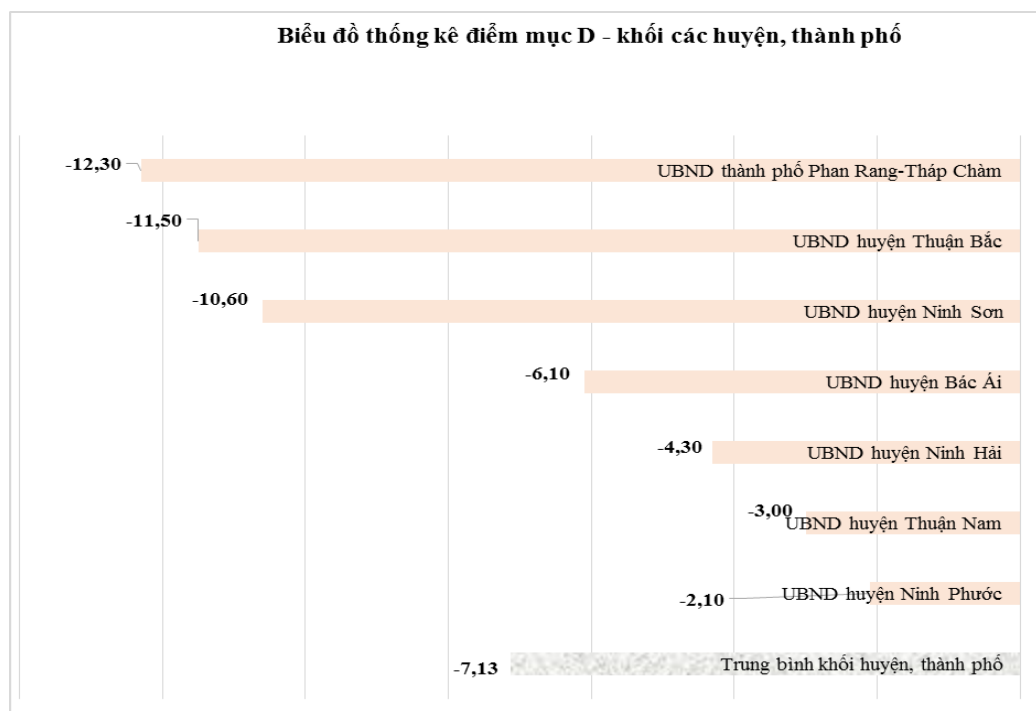
- Đối với các Sở, ban, ngành: Điểm trừ trung bình của khối Sở, ban, ngành là -2,78 điểm (tăng 0,49 điểm). Có 03 đơn vị không có điểm trừ (Ban Dân tộc, Sở Xây dựng và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh). Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị có điểm trừ cao nhất (-14 điểm), tiếp theo là Sở Giáo dục và Đào tạo (-12 điểm). Đây cũng là 02 đơn vị có điểm trừ nhiều nhất trong năm 2021.



- Đối với các đơn vị ngành dọc: Điểm trừ trung bình của khối các đơn vị ngành dọc là -1 điểm (tăng 1 điểm). Có 02 đơn vị không có điểm trừ (Bảo hiểm xã hội tỉnh và Cục Thuế tỉnh). Công an tỉnh và Cục Thống kê tỉnh là 02 đơn vị có điểm trừ cao nhất (-2 điểm).



- Đối với các huyện, thành phố: Điểm trừ trung bình của khối các huyện, thành phố là -7,13 điểm (giảm 1,16 điểm). Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm là đơn vị có điểm trừ cao nhất (-12,3 điểm), tiếp theo là huyện Thuận Bắc (-11,5 điểm) và huyện Ninh Sơn (-10,6 điểm).



## V. KẾT QUẢ XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG:

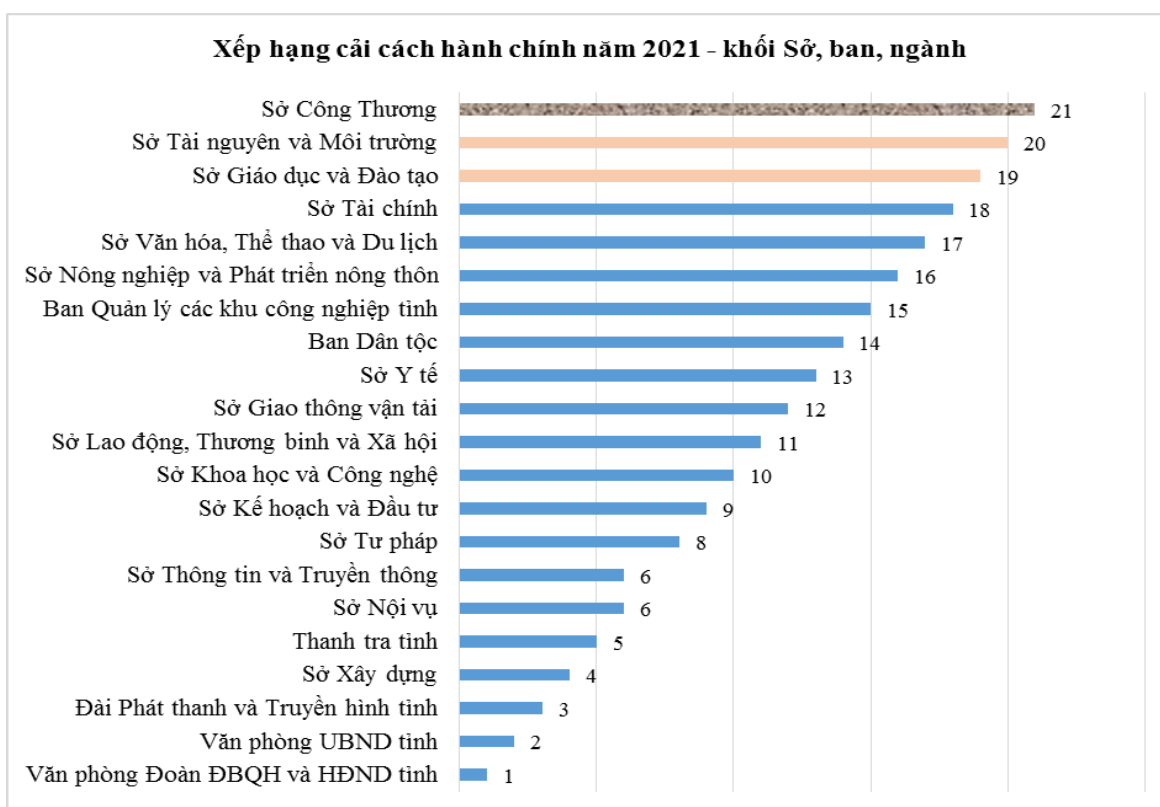
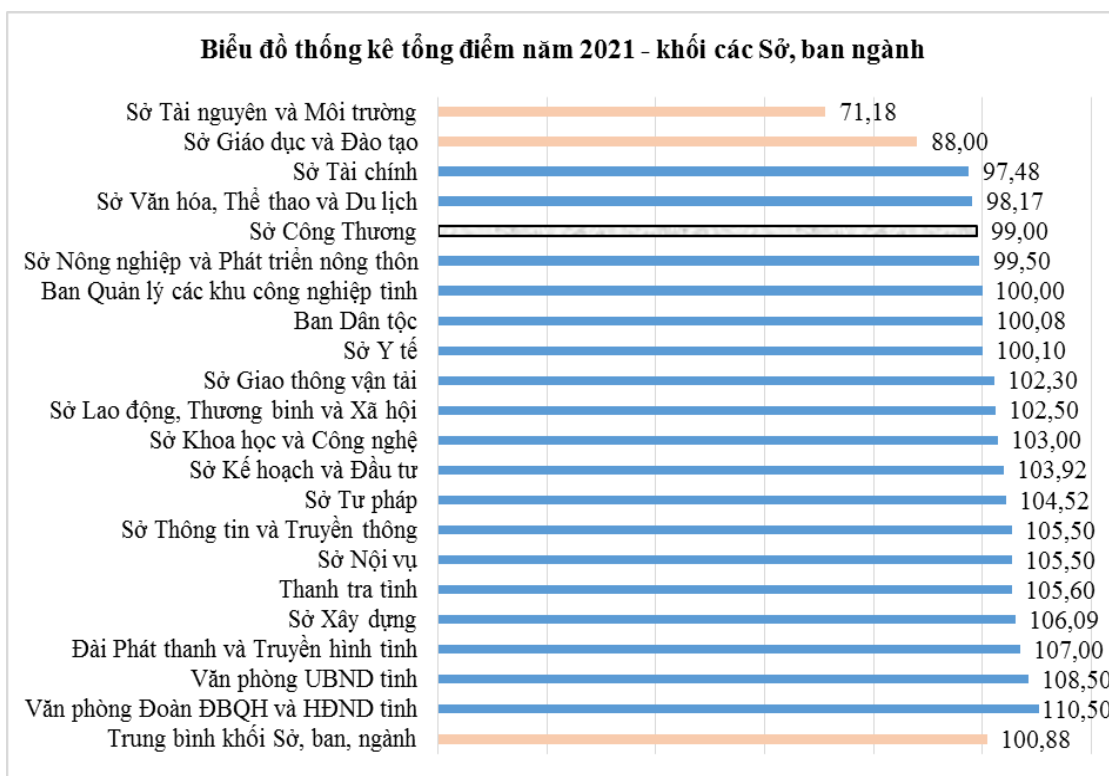
**1. Kết quả xếp loại công tác cải cách hành chính năm 2021:** Qua tổng hợp đối với 33 cơ quan, đơn vị, địa phương; kết quả cụ thể như sau:

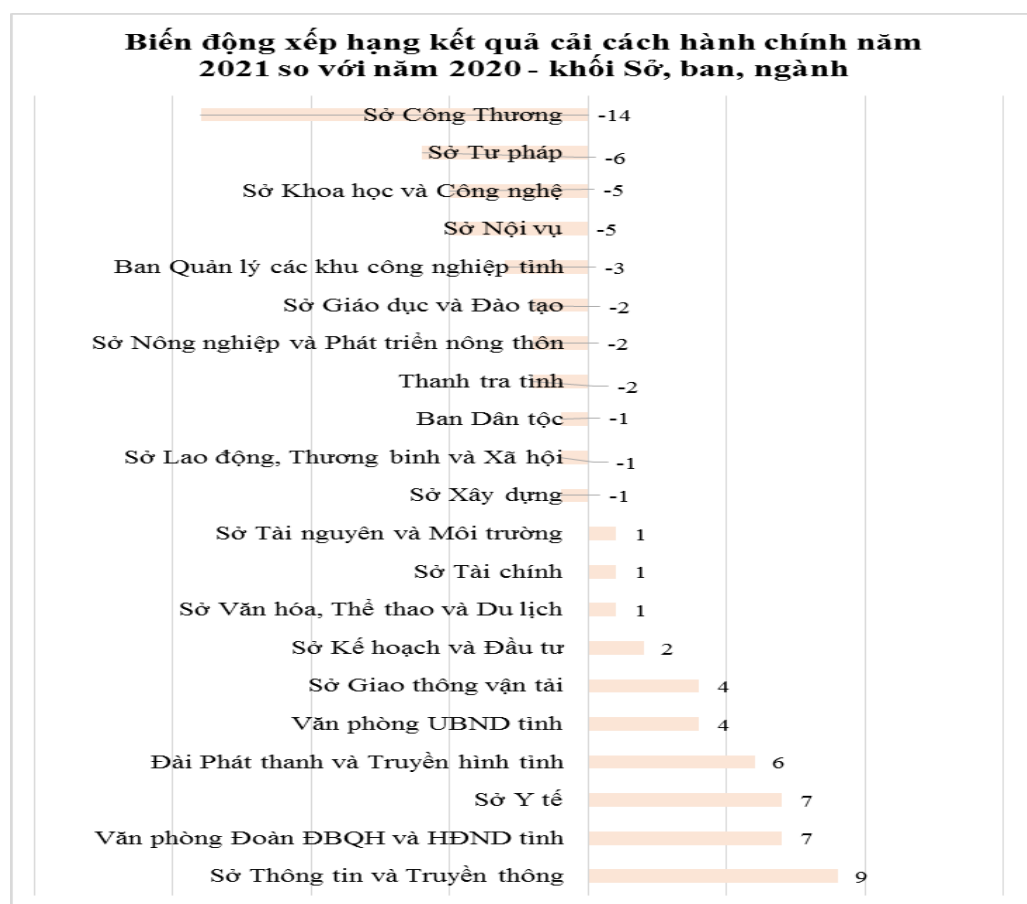
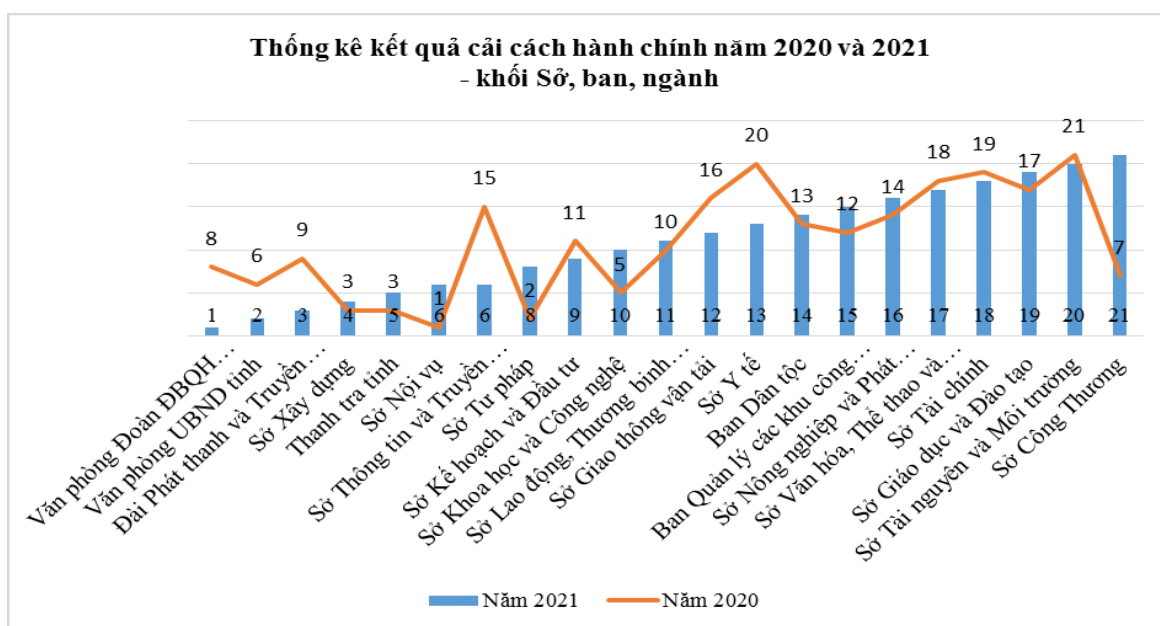
- Đối với các Sở, ban, ngành: Có 18/21 đơn vị xếp loại tốt (tăng 01 đơn vị), 02/21 đơn vị xếp loại khá (giảm 02 đơn vị), 01 đơn vị xếp loại trung bình - do bị hạ loại (tăng 01 đơn vị).

- Đối với các đơn vị ngành dọc: Có 5/5 đơn vị xếp loại tốt (giữ nguyên).
- Đối với các huyện, thành phố: Có 5/7 đơn vị xếp loại tốt (giữ nguyên) và 2/7 đơn vị xếp loại khá (giữ nguyên).

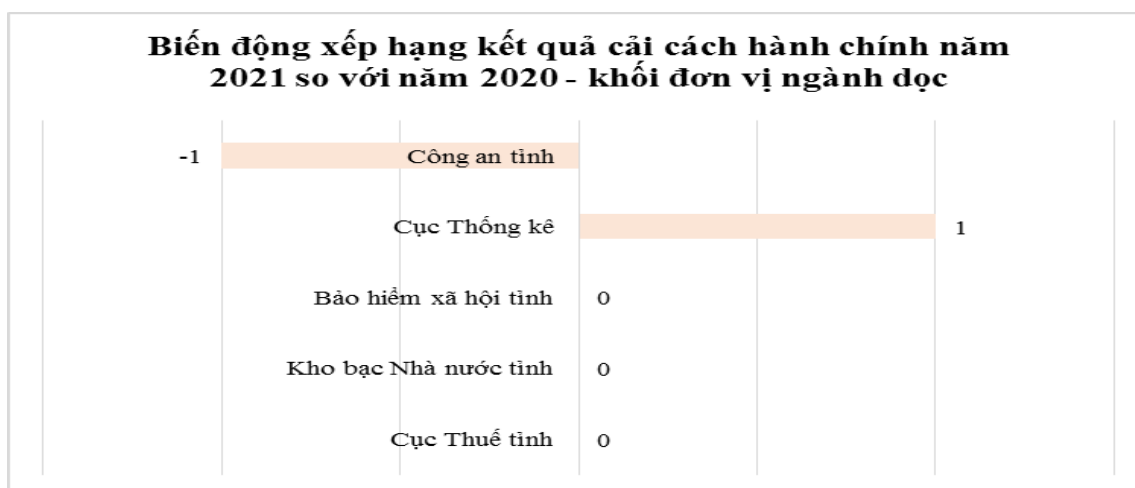
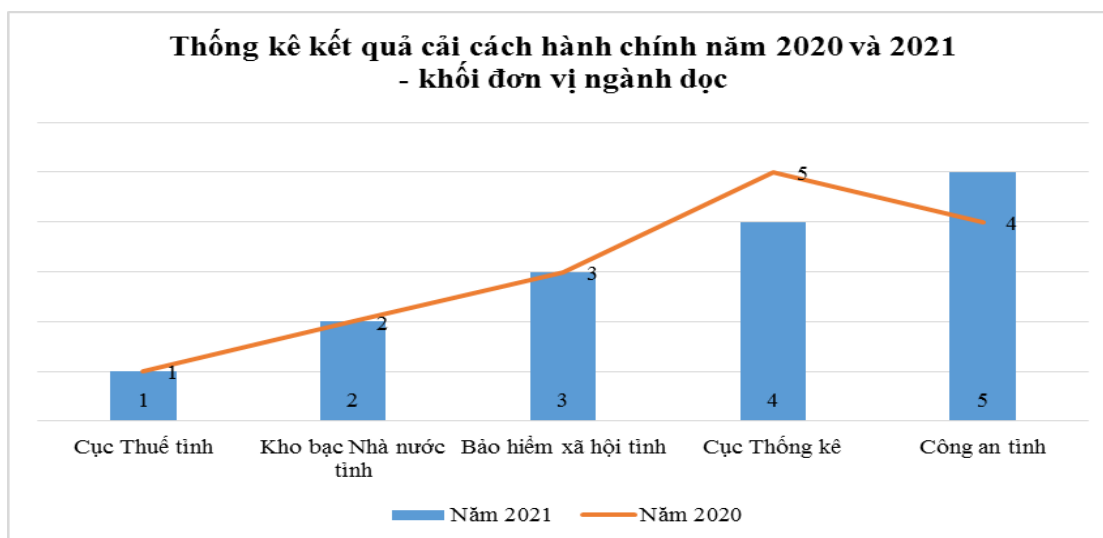
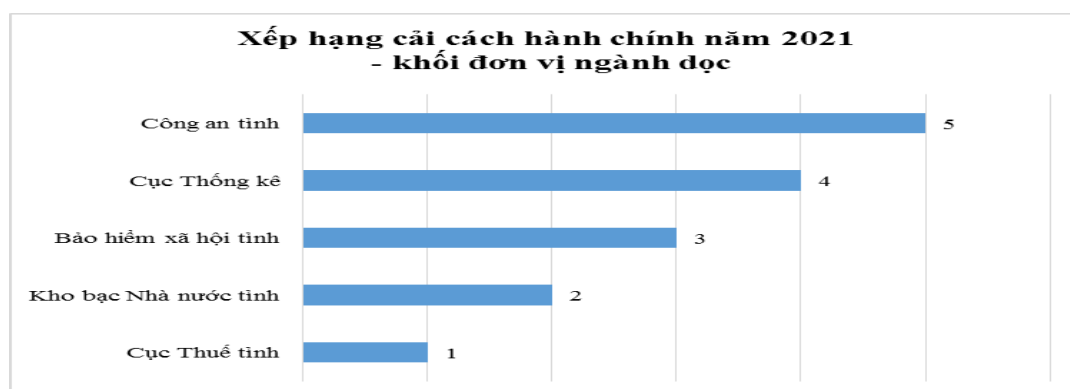
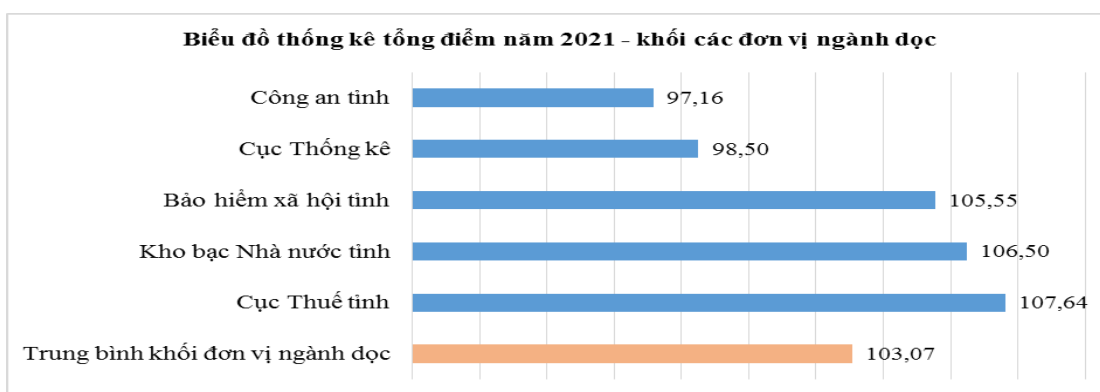
## 2. Về thứ hạng của các cơ quan, đơn vị, địa phương so với năm 2020:

- Đối với các Sở, ban, ngành: Có 11 đơn vị tăng bậc, 10 đơn vị giảm bậc so với năm 2020.



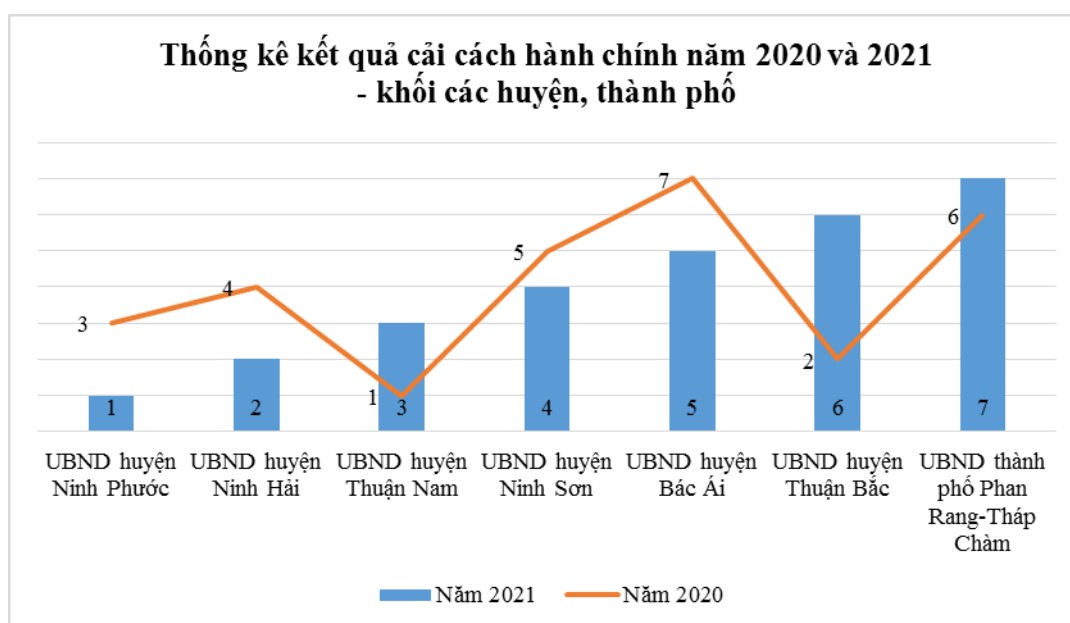
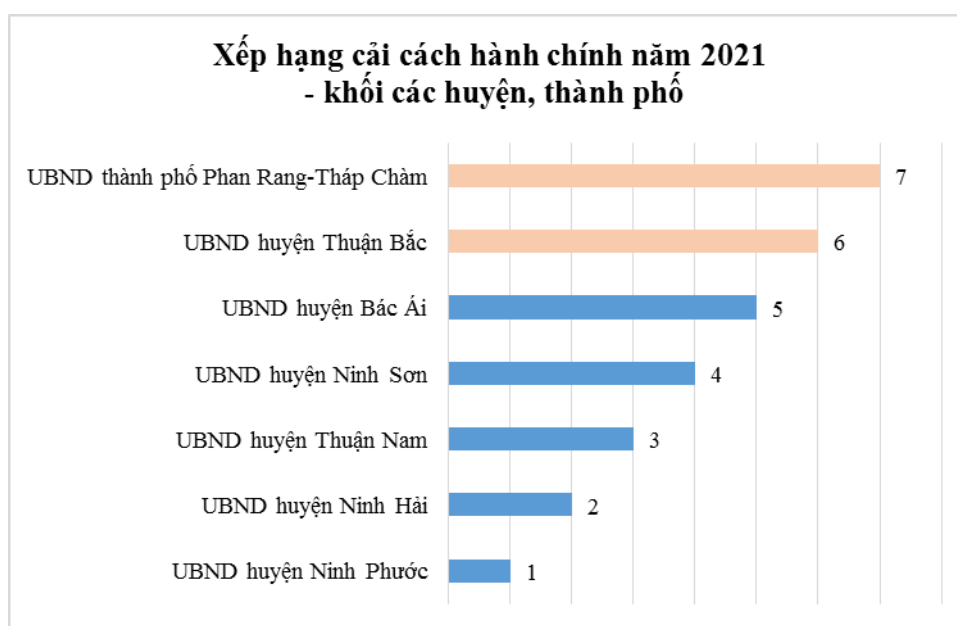
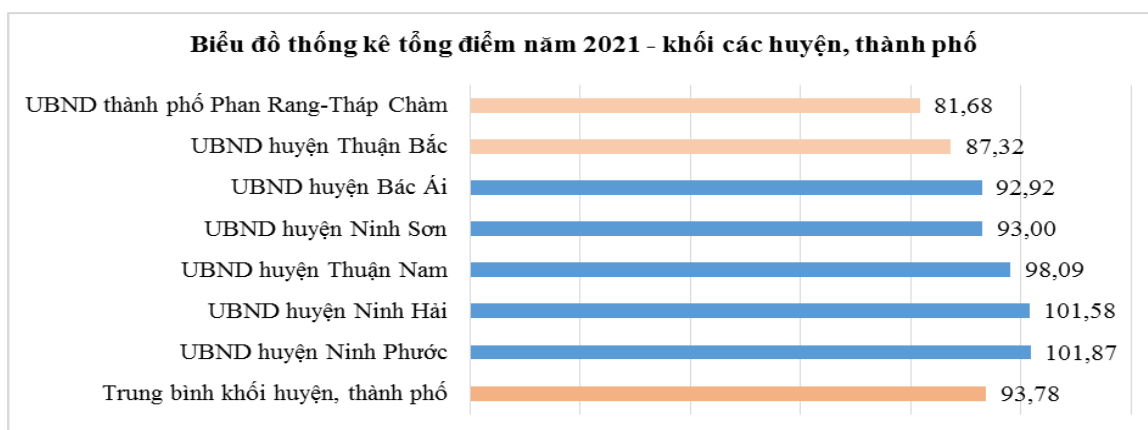


- Đối với các đơn vị ngành dọc: Có 01 đơn vị tăng bậc (Cục Thống kê tỉnh), 01 đơn vị giảm bậc (Công an tỉnh) và 03 đơn vị giữ nguyên thứ bậc so với năm 2020.

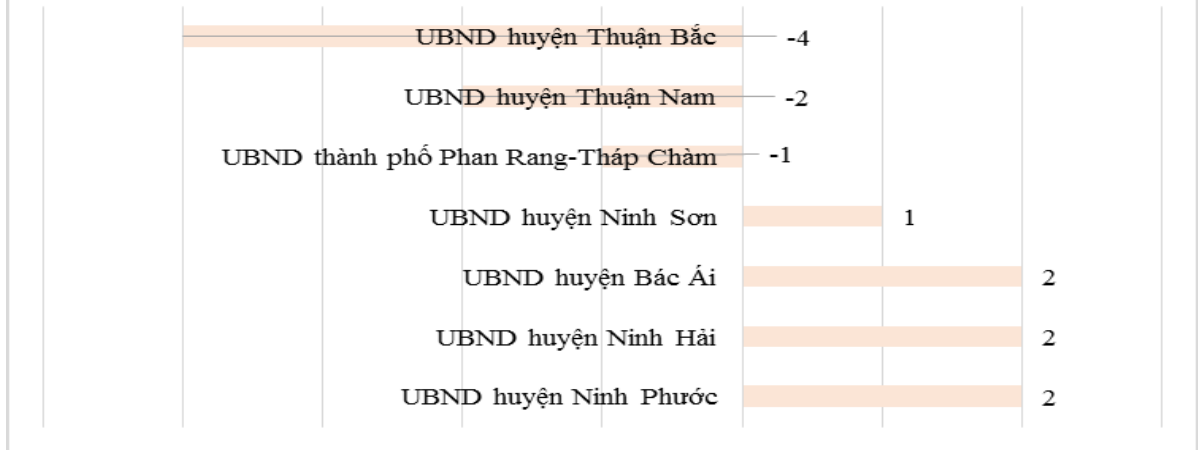




- Đối với các huyện, thành phố: Có 03 đơn vị tăng bậc và 04 đơn vị giảm bậc so với năm 2020.



**Biến động xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2021 so với năm 2020 - khối các huyện, thành phố**



Trên đây là kết quả thẩm định, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đối với các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương được biết./.

*(Đính kèm 05 Phụ lục).*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận;
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VPUB, VXNV. ĐND

**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Nam**